

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2024/HS-ST

Ngày 27 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 240/2024/TLST-HS ngày 12/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2024/QĐXXST-HS ngày 16/8/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Chu Thành H - Sinh ngày: 17 tháng 8 năm 2004, Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; họ và tên cha: Chu Thành T, sinh năm 1969; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1976; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Võ Bắc T1 – Sinh năm: 1997, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 2004, địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 2004, địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Phạm Khắc B, sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Thành H, sinh năm: 2004, trú tại: Thôn E, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cùng với người yêu là Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 2004, trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), ông Võ Bắc T1, sinh năm 1997, trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa và Nguyễn Thị M, sinh năm: 2004, trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đều làm việc chung tại nhà hàng T2, địa chỉ B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên cùng thuê nhà trọ ở chung, tại địa chỉ 5 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 15/7/2023, sau khi hết ca làm việc tại nhà hàng T2, thì H về nhà trọ thấy ông T1 đã về trước. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi ông T1 đang ở phòng riêng thì Chu Thành H đi tắm ở phòng tắm sau cùng của căn nhà trọ. Tại đây, H thấy trên móc treo đồ có một chiếc quần thun nam dài, màu đen của ông T1 để lại khi đi tắm trước đó. Lúc này, H để ý thấy trong túi quần thun bên phải của ông T1 có lộ ra một phần của chiếc ví chất liệu da, màu nâu nên H đã lén lút trộm cắp chiếc ví của ông T1 và mở ví ra xem thì thấy bên trong có một số giấy tờ tùy thân của ông T1, tiền và Căn cước công dân của H (do trước đó H nhờ ông T1 mang căn cước công dân của H đi cầm cố giúp để lấy tiền tiêu xài nhưng ông T1 chưa làm được và vẫn để ở trong ví). Sau đó, H cất chiếc ví vào quần rồi về phòng ngủ. Đến khoảng 12 giờ đêm cùng ngày, khi mọi người ngủ hết thì H đi ra ngoài sân và mở chiếc ví ra xem lại thì thấy có 6.500.000 đồng H cầm lại căn cước công dân của mình, cất tiền trong túi quần, giấu chiếc ví có các giấy tờ bên trong ở dưới bồn hoa phía trước căn nhà rồi về phòng ngủ. Đến sáng ngày 16/7/2023, ông T1 phát hiện bị mất chiếc ví da nhưng chưa trình báo Cơ quan công an. Đến cuối tháng 01/2024, ông T1 nghi ngờ H là người lấy trộm tài sản của mình nên nhờ anh Phạm Khắc B, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (bếp trưởng nhà hàng T2) nói H đưa căn cước công dân của H cho anh B chụp thông tin lại để làm hồ sơ nhận tiền thưởng Tết 2024, thì H đưa căn cước công dân của mình cho anh B chụp. Sau đó, ông T1 xem hình căn cước của H từ anh B nên nhắn tin hỏi H thì H thừa nhận mình đã lấy trộm chiếc ví da của ông T1 rồi hẹn vài ngày sau có lương sẽ gửi lại tiền. Sau đó, H quay lại căn nhà trọ, địa chỉ 5 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và tìm lại được chiếc ví của ông T1 rồi lấy lại giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe của ông T1 rồi rút chiếc ví ra ngoài đường phía trước nhà. Tuy nhiên, đến cuối tháng 02/2024, H vẫn không trả lại giấy tờ, tài sản

cho ông T1 nên ông T1 đã làm đơn tố giác đến cơ quan Công an. Sau khi làm việc với cơ quan Công an, H đã trả lại toàn bộ giấy tờ và số tiền 6.500.000 đồng mà H đã chiếm đoạt của ông T1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 110/KL-HĐĐGTS, ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) chiếc ví nam, chất liệu bằng da, màu nâu, kiểu ví gấp ngang, đã qua sử dụng, trị giá 40.000 đồng, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 15/7/2023.

Tại Cáo trạng số 250/CT-VKS-HS ngày 12/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Chu Thành H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Chu Thành H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ Căn cước công dân số 066204010928, mang tên Chu Thành H là giấy tờ tùy thân của H, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Chu Thành H để quản lý, sử dụng.

+ Về phần dân sự của vụ án: Bị cáo Chu Thành H đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.500.000 đồng và các giấy tờ tùy thân cho ông Võ Bắc T1. Sau khi nhận đủ số tiền 6.500.000 đồng và các giấy tờ tùy thân ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 01 chiếc ví nam, chất liệu bằng da, màu nâu, kiểu ví gấp ngang, đã qua sử dụng, trị giá 40.000 đồng, ông Võ Bắc T1 không yêu cầu bị cáo Chu Thành H phải bồi thường.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận như nội dung tại bản Cáo trạng.

Bị cáo không tranh luận nội dung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Chu Thành H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15/7/2023, tại nhà số E H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Chu Thành H đã lén lút trộm cắp tài sản 01 chiếc ví nam, chất liệu da, màu nâu của ông Võ Bắc T1, trị giá 40.000 đồng và số tiền 6.500.000 đồng, thì bị phát hiện và xử lý.

Do đó Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Chu Thành H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cụ thể:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo Chu Thành H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, l, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Các biện pháp tư pháp:

+ Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ Căn cước công dân số 066204010928, mang tên Chu Thành H là giấy tờ tùy thân của H, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Chu Thành H để quản lý, sử dụng.

Đối với các giấy tờ bên trong chiếc ví của ông Võ Bắc T1 gồm 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Võ Bắc T1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Võ Bắc T1, đến cuối tháng 02/2024, sau khi làm việc với Cơ quan Công an, bị cáo Chu Thành H đã tự nguyện trả lại đầy đủ các giấy tờ trên và số tiền 6.500.000 đồng cho ông Võ Bắc T1.

+ Về phần dân sự của vụ án: Bị cáo Chu Thành H đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.500.000 đồng và các giấy tờ tùy thân cho ông Võ Bắc T1. Sau khi, nhận đủ số tiền 6.500.000 đồng và các giấy tờ tùy thân ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 01 chiếc ví nam, chất liệu bằng da, màu nâu, kiểu ví gấp ngang, đã qua sử dụng, trị giá 40.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được chiếc ví có đặc điểm nêu trên, ông Võ Bắc T1 không yêu cầu bị cáo Chu Thành H phải bồi thường.

[6] Về án phí: Bị cáo Chu Thành H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Chu Thành H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Chu Thành H: 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Thành H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Chu Thành H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ Căn cước công dân số 066204010928, mang tên Chu Thành H là giấy tờ tùy thân của H, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Chu Thành H để quản lý, sử dụng.

+ Về phần dân sự của vụ án: Bị cáo Chu Thành H đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.500.000 đồng và các giấy tờ tùy thân cho ông Võ Bắc T1. Ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Chu Thành H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp BMT;
- Bị cáo;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Cơ quan THAHS;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh